

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 390/TTr-SNNMT ngày 14/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2, QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NNMT.

(MC17.05.25)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

Thực hiện Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, với những nội dung chính như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Quy hoạch lâm nghiệp) trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

b) Cụ thể hóa các nhiệm vụ, định hướng, giải pháp, biện pháp để triển khai, tổ chức thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn tỉnh.

c) Phân công nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể cho các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và địa phương, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong suốt quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm tuân thủ, kế thừa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng đã được phê duyệt; phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư, định hướng phát triển ngành lâm nghiệp và pháp luật khác có liên quan.

b) Xác định rõ các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm; vai trò, trách nhiệm của từng Sở, ban ngành, địa phương; đảm bảo sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Các nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Tập trung rà soát, điều chỉnh ranh giới, phân định ranh giới 3 loại rừng theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với ranh giới 3 loại rừng trong Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023; rà soát điều chỉnh, xác lập các khu rừng đặc dụng, phòng hộ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp và quy hoạch tỉnh.

1.2. Xây dựng bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, đảm bảo thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và quy hoạch tỉnh.

1.3. Tổ chức điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và xây dựng cơ sở dữ liệu rừng; triển khai việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp theo quy định.

1.4. Tập trung giải quyết, xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm, đặc biệt đất có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp, các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ.

1.5. Triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.

1.6. Tập trung phát triển rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung cho chế biến; nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng lâm nghiệp.

1.7. Xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; vận hành hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lâm nghiệp và chương trình chuyển đổi số trong lâm nghiệp.

(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục số I kèm theo)

2. Các chương trình, đề án triển khai thực hiện theo quy hoạch

Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả và lồng ghép các nhiệm vụ đề cụ thể hóa các Chương trình, Đề án thực hiện trong Quy hoạch lâm nghiệp theo Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(Chi tiết các Chương trình, Đề án trọng tâm tại Phụ lục số II kèm theo)

3. Cơ chế, chính sách thực hiện Quy hoạch

Tập trung triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả cơ chế, chính sách lâm nghiệp của Trung ương đã ban hành. Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới

các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm khuyến khích, tạo động lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng.

4. Kế hoạch sử dụng đất

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 06/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025, chỉ tiêu quy hoạch đất lâm nghiệp theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật liên quan, tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về lâm nghiệp theo đúng quy định của pháp luật; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch đảm bảo hiệu quả.

(Chi tiết Kế hoạch sử dụng đất tại Phụ lục số III kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí triển khai thực hiện Kế hoạch do ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo theo phân cấp và quy định của pháp luật; được phân bổ từ các nguồn vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư công, kinh phí sự nghiệp, kinh phí từ nguồn thu dịch vụ môi trường rừng và kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác.

2. Kinh phí tự có của các tổ chức kinh tế, cá nhân, hộ gia đình thực hiện quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng hệ thống thông tin ngành lâm nghiệp; huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp từ các nhà tài trợ, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu, tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật lâm nghiệp, đất đai và các quy định pháp luật có liên quan; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch lâm nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các địa phương, đơn vị để kịp thời tham mưu, tổ chức phân vùng chi tiết rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh, đảm bảo tính kế thừa, phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được duyệt. Xây dựng bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và quy hoạch tỉnh.

c) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến đầy đủ mục tiêu, nội dung Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp đã được phê duyệt; tổ chức hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nội dung Quy hoạch lâm nghiệp, Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Quy

hoạch lâm nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Tham mưu sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, tạo động lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng, thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào lâm nghiệp, giảm tỷ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước.

đ) Tham mưu tổ chức triển khai nhiệm vụ trọng tâm thực hiện quy hoạch: (i) điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; (ii) phân định ranh giới rừng, đóng mốc phân định ranh giới rừng; (iii) giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; (iv) lập hồ sơ quản lý rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; (v) xử lý tranh chấp, lấn chiếm đất đai có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp trên địa bàn; (vi) tổ chức phân vùng chi tiết rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh để tổ chức sản xuất, quản lý, phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia được duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Giao Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí, phân bổ nguồn kinh phí phù hợp để thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, đề án thuộc Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quản lý ngân sách Nhà nước và các quy định khác có liên quan.

b) Tổ chức rà soát, cập nhật nội dung Quy hoạch tỉnh để bảo đảm tính thống nhất đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và các hồ sơ quy hoạch khác có liên quan. Tuân thủ các định hướng về phát triển lâm nghiệp trong phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3. Giao Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành cấp tỉnh triển khai thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân tiêu thụ sản phẩm lâm sản chủ lực và có thế mạnh.

b) Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai hiệu quả Quyết định số 506/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

4. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, nghiên cứu đặt hàng, ưu tiên lựa chọn các nhiệm vụ khoa học, công nghệ về lĩnh vực lâm nghiệp. Nghiên cứu xây dựng các đề tài khoa học phát triển giống cây trồng lâm nghiệp có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, kỹ thuật trong việc trồng, chăm sóc, khai thác rừng trồng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

5. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương, đơn vị tiếp tục cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới đồng bộ mạng lưới đường giao thông nông thôn gắn với phục vụ sản xuất lâm nghiệp, nhằm đáp ứng nhu cầu bảo vệ và phát triển rừng.

6. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn xây dựng, vận hành, ứng dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lâm nghiệp và chương trình chuyển đổi số trong lâm nghiệp.

7. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Tổ chức thực hiện quản lý Nhà nước về lâm nghiệp trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật lâm nghiệp, đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Tổ chức triển khai rà soát, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, các dự án trên địa bàn bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; cập nhật nội dung các quy hoạch, đề án, dự án liên quan đang thực hiện trên địa bàn, đảm bảo tuân thủ, tích hợp các định hướng về phát triển lâm nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Tổ chức thực hiện giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định và thẩm quyền; lập hồ sơ quản lý rừng và xử lý dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp trên địa bàn.

d) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp tại địa phương.

đ) Huy động hiệu quả các nguồn lực, bố trí ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục số I

**CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA THỜI KỲ 2021 - 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nguồn vốn	
				Ngân sách	Vốn hợp pháp khác
1	Rà soát, điều chỉnh ranh giới, phân định ranh giới 3 loại rừng, cụ thể trên thực địa, trên bản đồ và lập hồ sơ quản lý rừng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	X	
2	Xây dựng bản đồ quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và quy hoạch tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	X	
3	Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến và xây dựng cơ sở dữ liệu rừng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	X	X
4	Rà soát, điều chỉnh, xác lập các khu rừng đặc dụng, phòng hộ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thị xã, thành phố	X	
5	Phát triển rừng trồng cung cấp nguyên liệu tập trung cho chế biến; nghiên cứu, chọn, tạo giống cây trồng lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường	UBND các huyện, thị xã, thành phố	X	X

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp	Nguồn vốn	
				Ngân sách	Vốn hợp pháp khác
6	Triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng; giảm phát thải khí nhà kính từ hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, tăng trưởng xanh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố	X	X
7	Tổ chức triển khai việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm, đặc biệt đất có nguồn gốc từ lâm trường, công ty lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Tài chính	X	X
8	Vận hành hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lâm nghiệp và chương trình chuyển đổi số trong lâm nghiệp.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND các huyện, thị xã, thành phố	X	X
9	Xây dựng mới hệ thống đường lâm nghiệp; duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường lâm nghiệp theo quy định; xây dựng mới các công trình hạ tầng lâm sinh phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính	X	X

Phụ lục số II**CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA THỜI KỲ 2021 – 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

TT	Chương trình/Đề án	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Nguồn vốn	
			Ngân sách	Vốn hợp pháp khác
I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH			
1	Các Chương trình mục tiêu quốc gia	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo	X	X
2	Chương trình hành động giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các-bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (REDD+) đến năm 2030 (Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
3	Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
4	Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025, 2026-2030 (Giai đoạn 2021-2025 phê duyệt Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
5	Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 (Nghị quyết 37/NQ-CP ngày 17/3/2023 của Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
II	CÁC ĐỀ ÁN			
1	Đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng (Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X

TT	Chương trình/Đề án	Đơn vị chủ trì tham mưu thực hiện	Nguồn vốn	
			Ngân sách	Vốn hợp pháp khác
2	Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
3	Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 1662/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
4	Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021-2030 (Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
5	Đề án phát triển ngành công nghiệp chế biến gỗ bền vững, hiệu quả giai đoạn 2021 – 2030 (Quyết định số 327/QĐ-TTg ngày 10/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
6	Đề án Nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng chống thiên tai đến năm 2030 (Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
7	Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X
8	Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” (Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	X	X

Phụ lục số III**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA THỜI KỲ 2021 - 2030
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)**Đơn vị tính: 1.000 ha*

TT	Hạng mục	Quy hoạch đến năm 2030			
		Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất
I	Diện tích đất lâm nghiệp	633,75	82,07	160,47	391,21
1	Diện tích có rừng	587,74	82,07	129,73	375,94
-	<i>Rừng tự nhiên</i>	359,74	78,65	103,38	177,71
-	<i>Rừng trồng</i>	228	3,42	26,35	198,23
-	Diện tích mới trồng (chưa thành rừng)				
2	Diện tích chưa có rừng	46,01		30,74	15,27
II	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	54,5			